

Số: 78/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-QUẢNG NINH**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83, Điều 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 62/2026/TLST-HNGĐ Ngày 10-02-2026 về việc “*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1981; địa chỉ: số nhà 56G, tổ 28, khu 2B, phường C1, tỉnh Quảng Ninh.

+ Anh Cao Văn B1, sinh năm 1976; địa chỉ: số nhà 56G, tổ 28, khu 2B, phường C1, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ng và anh Cao Văn B1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C2, huyện C3, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã C4, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 05-3-2003, nên hôn nhân của chị Ng và anh B1 là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị Ng và anh B1 chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi, chửi nhau khiến cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Hiện nay, chị Ng và anh B1 đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Ng và anh B1 đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được nên cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh, chị. Xét thấy, việc chị Ng và anh B1 thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Ng và anh B1 có 02 (hai) con chung là Cao Thanh B2, sinh ngày 10-11-2003 và Cao Thái H, sinh ngày 14-9-2009. Ly hôn, con chung Cao Thanh B2 đã thành niên, phát triển bình thường nên chị Ng và anh B1 không

yêu cầu Tòa án giải quyết; chị Ng và anh B1 thỏa thuận giao con chung là Cao Thái H cho anh B1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên; chị Ng1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Cao Thái H là 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*)/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02-2026 đến khi con chung thành niên. Chị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Xét thấy, thỏa thuận trên giữa chị Ng và anh B1 là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83, Điều 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ng và anh B1 không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, các thỏa thuận trên giữa chị Ng và anh B1 là tự nguyện, phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Ng và anh B1 thỏa thuận chị Ng có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (*bảy*) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 13-02-2026), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ng và anh Cao Văn B1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: con chung Cao Thanh B2, sinh ngày 10-11-2003 đã thành niên, phát triển bình thường nên chị Ng và anh B1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Ng và anh B1 thỏa thuận giao con chung là Cao Thái H, sinh ngày 14-9-2009 cho anh B1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên; chị Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Cao Thái H là 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*)/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02-2026 đến khi thành niên. Chị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Cao Thái H mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Ng và anh B1 không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Chị Ng và anh B1 không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Ng và anh B1 thỏa thuận chị Ng có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng

(ba trăm nghìn đồng); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm chị Ng đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000727 ngày 09-02-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh; chị Ng đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND khu vực 1-Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã C4, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga